

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày: 21- 4 - 2025
“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được
2. Ông Nguyễn Văn Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2024/TLST-DS ngày 27-11-2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-DS ngày 07-3-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-DS ngày 31-3-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: Số B N, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Bà Nguyễn Đức Thạch D ủy quyền cho Ông Trần Quốc K – Giám đốc Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B.

(Theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S).

Ông Trần Quốc K ủy quyền cho bà Trần Thị Thu T - Chuyên viên Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B (Có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 243/GUQ-CNBR ngày 15/5/2024 của Giám đốc chi nhánh B - Ngân hàng TMCP S).

Địa chỉ: Số C đường D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành A, sinh năm 2000. Địa chỉ: E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15-5-2024, bản tự khai, biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S là bà Trần Thị Thu T trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký với ông Nguyễn Thành A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, số hợp đồng 1361/2022/CNBR ngày 12/12/2022.

Hạn mức tín dụng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất 33.2%/năm (Lãi suất trong hạn). Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau.

Mục đích tiêu dùng cá nhân. Khách hàng được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Nguyễn Thành A sử dụng thẻ phát sinh giao dịch với tổng số tiền là 29.428.325đ (Hai mươi chín triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng).

Ông Nguyễn Thành A phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông Nguyễn Thành A đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 11.701.112đ (Mười một triệu bảy trăm linh một ngàn một trăm mười hai đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 10.565.090 đồng, tiền lãi là 1.136.022 đồng.

Ông Nguyễn Thành A vi phạm nghĩa vụ thanh toán và ngày 10/02/2024 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, chuyển toàn bộ số tiền 24.274.432 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn là 4.15%/tháng trên số nợ quá hạn này (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Ngân hàng chỉ cho mình ông Nguyễn Thành A vay tiền, do vậy chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thành A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền này.

Tạm tính đến ngày 12/02/2025 ông Nguyễn Thành A còn nợ và phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền cụ thể như sau: Dư nợ số tiền là 24.274.432 đồng; lãi quá hạn là 12.354.496 đồng. Tổng cộng số tiền là 36.628.928đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn chín trăm hai mươi tám đồng).

Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Thành A phải tiếp tục thanh toán toàn bộ lãi, phí phát sinh từ ngày 13/02/2025 theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông Nguyễn Thành A hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thành A, phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 21/4/2025 số tiền cụ

thể như sau: Dư nợ gốc là 24.274.432 đồng; nợ lãi là 14.637.392 đồng. Tổng cộng số tiền là 38.911.824đ (Ba mươi tám triệu chín trăm mười một ngàn tám trăm hai mươi tư đồng). Ông Nguyễn Thành A còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 22/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Bị đơn ông Nguyễn Thành A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Đất đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Thành A biết. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành tổng đạt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Thành A vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có mặt; Bị đơn ông Nguyễn Thành A đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, buộc ông Nguyễn Thành A phải trả số tiền tạm tính đến ngày 21/4/2025 số tiền cụ thể như sau: Dư nợ gốc là 24.274.432 đồng; nợ lãi là 14.637.392 đồng. Tổng cộng số tiền là 38.911.824đ (Ba mươi tám triệu chín trăm mười một ngàn tám trăm hai mươi tư đồng) là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện ông Nguyễn Thành A về hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn đang cư trú tại huyện L, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Đất theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Theo biên bản xác minh tại Công an xã P, huyện L, bị đơn ông Nguyễn Thành A có hộ khẩu thường trú tại: E, ấp P, xã P,

huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Toà án tổng đạt các văn bản nhiều lần nhưng ông Nguyễn Thành A đều vắng mặt tại địa chỉ nêu trên.

Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định: “Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú được ghi trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới thì được xem là cố tình dấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung”. Vì vậy, đối với trường hợp này, được xem là như ông Nguyễn Thành A cố tình dấu địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng được xác định tại: E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thành A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành A theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, số hợp đồng 1361/2022/CNBR ngày 12/12/2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Thành A, tạm tính đến ngày 21/4/2025 số tiền cụ thể như sau: Dư nợ gốc là 24.274.432 đồng; nợ lãi là 14.637.392 đồng. Tổng cộng số tiền là 38.911.824đ (Ba mươi tám triệu chín trăm mười một ngàn tám trăm hai mươi tư đồng).

Qua đó xác định, ông Nguyễn Thành A đã ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1361/2022/CNBR ngày 12/12/2022 với Ngân hàng thương mại cổ phần S qua hợp đồng nêu trên.

Tổng số tiền tính đến ngày 21/4/2025, ông Nguyễn Thành A còn nợ Ngân hàng: Dư nợ gốc là 24.274.432 đồng; nợ lãi là 14.637.392 đồng. Tổng cộng số tiền là 38.911.824đ (Ba mươi tám triệu chín trăm mười một ngàn tám trăm hai mươi tư đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Thành A trả số tiền còn nợ như trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi suất phát sinh: Xét Điều 22 và 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng các bên có thỏa thuận về lãi suất “...Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên thẻ. Lãi được tính như sau:...”; do đó cần áp dụng án lệ số 08/2016/AL buộc ông Nguyễn Thành A còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của khoản tiền gốc chưa thanh toán và mức lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2.3] Về án phí: Căn cứ theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, điều 227, điều 228, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2026 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông **Nguyễn Thành A**.

1. Buộc ông **Nguyễn Thành A** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S** toàn bộ số vốn vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**, số hợp đồng 1361/2022/CNBR ngày 12/12/2022 và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/4/2025 số tiền cụ thể như sau: Dư nợ gốc là 24.274.432 đồng; nợ lãi là 14.637.392 đồng. Tổng cộng số tiền là 38.911.824đ (Ba mươi tám triệu chín trăm mười một ngàn tám trăm hai mươi tư đồng).

2. Ông **Nguyễn Thành A** còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 22/4/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**, số hợp đồng 1361/2022/CNBR ngày 12/12/2022 đã ký kết với **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thành A phải nộp 1.945.591đ (Một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 685.755đ (Sáu trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0003919 ngày 26/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền (Nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/4/2025), đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Đất;
- CCTHADS huyện Long Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

